



I. SỰ VẬN ĐỘNG CỦA KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH

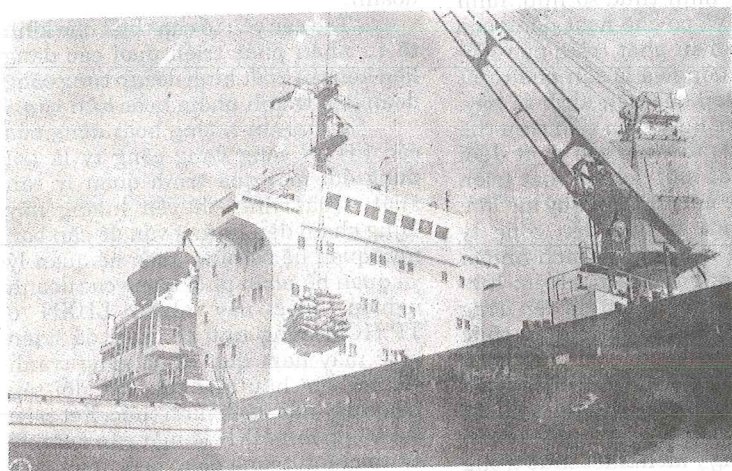
Theo qui định thì kinh tế ngoài quốc doanh có 3 loại hình: kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế cá thể. Từ 1987 đến nay, 3 loại hình kinh tế này phân rã, thăng trầm, tăng tiến theo những xu hướng khác nhau.

1. Kinh tế tập thể thực sự đi vào thời kỳ phân rã bởi tính kém hiệu quả của nó. Năm 1991 so với năm 1987 khu vực kinh tế này đã giảm 70% số cơ sở và 72% số lao động. Tình hình này vẫn còn tiếp diễn.

Sự phân rã của kinh tế tập thể theo 3 xu hướng. Phổ biến nhất là từ HTX tách ra thành hộ cá thể. Xu hướng thứ hai là HTX chuyển thành xí nghiệp tư nhân. Xu hướng thứ 3 ít ỏi, là trở thành HTX cổ phần.

2. Kinh tế tư nhân: bao gồm các

PTS. ĐÌNH SƠN HÙNG



doanh nghiệp tư doanh, công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), và công ty cổ phần (CP) là loại hình kinh tế có các hình thức sản xuất kinh doanh (SXKD) đa dạng, phong phú và linh hoạt. Trên địa bàn TP.HCM loại hình này chỉ thực sự phát triển mạnh mẽ trong 2 năm 1992 và 1993 (1991: 11 cơ sở, 1992: 735 và tháng 7.1993: 775 cơ sở).

Theo Cục thống kê, đến tháng

7.1993 TP.HCM đã có 1.549 cơ sở được cấp giấy phép hoạt động với tổng số vốn đăng ký 1.160,78 tỷ đồng. Số lao động được thu hút vào loại hình này đến cuối năm 1992 khoảng 30.000 người.

Như vậy loại hình kinh tế này phần nào đã đáp ứng được chỉ tiêu huy động vốn và giải quyết thất nghiệp.

3. Kinh tế cá thể, bao gồm hộ cá

thể và hộ tiểu thủ công nghiệp (xưởng, cửa hàng...) với 3-5 lao động và 15-20 triệu vốn đầu tư mỗi hộ phát triển nhanh trong phạm vi cả nước (30 vạn hộ năm 1990 lên 70 vạn hộ cuối năm 1992).

Số liệu cho thấy vốn và lao động của 1 hộ ít hơn doanh nghiệp tư nhân nhưng theo "quy luật số đông", hàng chục vạn hộ đã huy động được số vốn gấp 2-2,5 lần, số lao động thu hút gấp 3,5-4 lần so với các doanh nghiệp tư nhân.

Đồng thời với việc phát triển mạnh của kinh tế cá thể là sự phục hồi các làng ngành nghề truyền thống, thu hút lao động nông thôn, đa dạng hóa ngành nghề ở nông thôn.

ĐẦU TƯ TƯ NHÂN VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Tóm lại, cả 3 loại hình KTNQD ở ta đang trong quá trình vận động đa dạng theo sự chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung sang cơ chế kinh tế thị trường.

II. NHỮNG MỤC TIÊU HƯỚNG TỚI

Mục tiêu tối cao, cuối cùng phát triển kinh tế ngoài quốc doanh là tạo ra sự tăng trưởng kinh tế cao, thanh toán tình trạng nghèo nàn lạc hậu; dân giàu, nước mạnh. Để đạt được điều đó, trước hết phải nhằm vào một số mục tiêu chính sau đây:

1. Huy động vốn trong dân cư

Dù phương pháp tiếp cận khác nhau, nhưng tất cả các học thuyết về phát triển đều nhấn mạnh đến vai trò của vốn đối với sự phát triển. Sự hình thành vốn được coi là chìa khóa của sự phát triển.

Động lực để phát triển về bản chất là đảm bảo các nguồn vốn đầu tư nhằm đạt được tỷ lệ tăng trưởng GNP theo chiến lược đã lựa chọn.

Nhiều công trình nghiên cứu chỉ ra rằng, tỷ lệ đầu tư thấp tại Mỹ trong những năm 1970-1980 là nguyên nhân đầu tiên đưa đến tỷ lệ tăng GNP/người thấp từ 1970 so với Nhật Bản và Tây

Áu.

Còn các nước như CH Triều Tiên, Philippines và Mexico cho thấy, trong những năm vừa qua sự tăng trưởng của các yếu tố vật chất đã đóng góp từ 1/4-1/3, thậm chí 1/2 mức tăng GNP.

Thực tế phát triển của nhiều nước chứng minh rằng muốn giữ được tốc độ tăng trưởng ổn định thì mức đầu tư phải chiếm từ 15-20% GNP.

Theo các chuyên gia, nếu nước ta muốn tăng GNP lên gấp đôi vào năm 2000 thì cần một số vốn đầu tư 30-40 tỷ USD. Nhu cầu về nguồn vốn như vậy quả là không nhỏ. Nhưng khả năng đáp ứng nhu cầu không phải là không có nếu ta biết khai thác tốt tiềm năng của nền kinh tế đất nước và thu hút có hiệu quả vốn đầu tư nước ngoài.

Ước tính của một số chuyên viên tài chính thì nguồn vốn dưới các dạng trong dân ở nước ta khoảng 20 tỷ USD. Đây là chưa tính đến kiều hối của khoảng 2.000.000 Việt kiều mà nếu họ tiết kiệm 10% số thu nhập thì mỗi năm số tiền tiết kiệm là 2 tỷ USD được thu hút để tài trợ cho vốn đầu tư.

Vì sao đầu tư tư nhân vẫn đang trong tình trạng thâm đố? Vì sao những tập đoàn như Việt Hoa (TP.HCM) còn quá hiếm hoi? Trong khi lộ gích của vấn đề là đầu tư trong nước yếu, tất hạn chế khả năng thu hút đầu tư nước ngoài. Có nhiều nguyên nhân. Nhưng hai nguyên nhân hàng đầu là:

- Các nhà đầu tư chưa tin hoàn toàn vào tính không thể đảo ngược của luật pháp và các chính sách.

- Chúng ta chủ trọng nhiều đến đầu tư trực tiếp nhưng lại thiếu quan tâm đến thu hút vốn đầu tư gián tiếp thông qua các thể chế tài chính với công cụ lãi suất và những chính sách khác. Trong khi đây là hình thức tập trung vốn mau lẹ và hiệu quả trong toàn xã hội.

2. Giải quyết việc làm.

Lực lượng lao động là nguồn tài nguyên vô giá của đất nước. Vì vậy hạn chế thất nghiệp đã trở thành một trong những mối quan tâm chính của các nhà kinh tế. Bởi thất nghiệp đồng nghĩa với sự lãng phí tiềm năng giới hạn của nền kinh tế quốc dân. J.M Keynes hoàn toàn chính xác khi kết luận rằng việc tăng đầu tư sẽ bù đắp cho những thiếu hụt của cầu tiêu dùng. Từ đó tăng việc làm, tăng thu nhập, tăng hiệu quả cạnh tranh và kích thích sản xuất tái phát triển.

Số với năm 1992, năm 1993 vốn đầu tư toàn xã hội tăng 45%, là mức tăng cao nhất từ trước đến nay. Ước tính có khoảng 10 nghìn tỷ đồng (1 tỷ USD) vốn trong dân được huy động. Và hiệu quả tất yếu là năm 1993 cũng là năm tạo ra được nhiều chỗ làm việc nhất (1,2 triệu) từ sau đổi mới, chủ yếu được tạo ra ở khu vực kinh tế ngoài

quốc doanh, do việc phát triển ngành nghề ở nông thôn, một phần ở các khu vực thị trấn, thị xã và thành phố. Đây là tác động dây chuyền của việc tăng đầu tư và là thành tựu lớn trong năm 1993, vì lực lượng lao động dôi thừa vẫn thường xuyên chiếm 7% lao động xã hội, đây là chưa kể đến gần 10 triệu lao động không đủ việc làm thường xuyên.

3. Thuế.

Thuế vừa là công cụ để điều tiết kinh tế, vừa là nguồn thu tập trung vào ngân sách nhà nước.

Hiện nay ta đang áp dụng chính sách thuế: vốn đầu tư càng lớn, lao động càng đông thì thuế đóng càng cao. Điều đó đang làm cho các doanh nghiệp thu nhỏ lại (trên thực tế hoặc khai báo). Chẳng hạn tàu thuyền chỉ đóng từ 44 sức ngựa trở xuống; không thuê sạp trong chợ, mà bỏ ra hè đường kinh doanh, có doanh thu nhiều hơn nhưng thuế phải đóng ít hơn.

Theo lý thuyết về "sự đánh đổi và bù trừ" thì ham muốn thái quá ở mục tiêu này sẽ làm triệt tiêu mục tiêu khác. Vì vậy nếu mục tiêu ưu tiên số một của chính phủ là gọi vốn đầu tư của dân và giải quyết việc làm thì chính sách thuế cần có sự thay đổi theo hướng:

- Ai đầu tư vốn nhiều, giải quyết việc làm cho nhiều lao động thì sẽ được hưởng thuế suất thấp hơn.

- Thay thế doanh thu bằng thuế trị giá gia tăng (TVA) để tránh "thuế chồng lên thuế".

- Hạ thấp thuế suất để mong thu được tổng số thuế lớn hơn. Thuế suất thấp thì lượng thu trên một doanh nghiệp nhỏ. Nhưng do thuế thấp tư nhân sẽ mở doanh nghiệp nhiều hơn. Ngân sách sẽ thu được nhiều theo "quy luật số đông". Thuế suất thấp, kiểm soát chặt chẽ thì cả về tâm lý và pháp lý đều có độ tin cậy cao.

4. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Việc chuyển đổi cơ chế kinh tế tập trung sang cơ chế kinh tế thị trường với sự khuyến khích nhiều thành phần kinh tế ngoài quốc doanh đẩy mạnh sản xuất, lưu thông hàng hóa đã tạo ra cho nền kinh tế đất nước khởi sắc, phát triển năng động, hiệu quả hơn. Những năm gần đây phần đóng góp của khu vực kinh tế tư doanh vào tổng sản phẩm xã hội ngày càng tăng (chiếm 30-40% giá trị sản phẩm công nghiệp TTCN và 60-70% trong ngành thương mại dịch vụ).

Trong khi khu vực KTQD nắm giữ trên 90% số vốn, lại được các ngân hàng tập trung cho vay trên 80% nhưng tỷ suất lợi nhuận bình quân của khu vực này chỉ 0,97%/năm. Còn khu vực ngoài quốc doanh tỷ suất lợi nhuận là 2,16%/năm.

Những số liệu trên không chỉ phản ánh tình hiệu quả trong hoạt động SXKD mà còn cho thấy sự đóng

góp của khu vực KTNQD đối với sự tăng trưởng, phát triển kinh tế của đất nước là như thế nào.

III. NHỮNG ƯU THẾ

Tính hiệu quả cao trong hoạt động SXKD và mặt tích cực của khu vực kinh tế tư doanh do mấy nguyên nhân chính sau đây:

1. Các doanh nghiệp tư nhân rất năng động, họ thay đổi mẫu mã liên tục và cho ra nhiều hàng hóa đa dạng, phong phú. Vì như các giám đốc tư doanh đã nói: tiền của chúng tôi "ngọt" đi xót lắm, cho nên phải lặn ngụp mò hỏi, làm cho tiền "đề" ra càng nhiều càng tốt.

2. Hoạt động của cơ sở gần rất chặt chẽ với cả thị trường đầu vào lẫn thị trường đầu ra, thị trường trong nước với thị trường nước ngoài.

3. Coi trọng chữ "tín" trong chất lượng mặt hàng, kế hoạch giao hàng, bảo hành hàng, thanh toán, giao nhận...

4. Vừa đẩy nhanh tốc độ tuần hoàn, chu chuyển của vốn, vừa dám chấp nhận sự tài trợ vốn của thị trường tư do với tỷ lệ lãi suất cao hơn tỷ lệ lạm phát

5. Nhiều cơ sở quan tâm đến vấn đề giữ và thu hút người lao động có trình độ cao bằng chính sách đãi ngộ hiện thực. Vì vậy hiện đang có xu hướng "chảy chất xám" khu vực KTQD sang khu vực KTNQD.

6. Về tổ chức, nói chung gọn, nhẹ và hiệu quả.

7. Chấp nhận cạnh tranh và biết cạnh tranh có hiệu quả.

Tóm lại chiến lược tổng thể phát triển của khu vực kinh tế tư doanh gồm:

- Chiến lược đầu tư là "một mình, một xe, một ghe, một be, một lò".

- Chiến lược kinh doanh là "vốn ít, lãi nhiều, giải thể nhanh".

- Chiến lược quản lý "nhất tín, nhì tài".

- Chiến lược đó vừa có tính hệ thống: đầu tư - kinh doanh - quản lý, vừa có tính thực dụng... Do vậy nó vừa hợp với quy luật phát triển kinh tế, vừa thích ứng với chính sách của nhà nước.

Vậy muốn phát triển kinh tế tư nhân, phải hiểu chiến lược của nó để từ đó hoạch định một chiến lược của nhà nước phù hợp với đặc điểm về kinh tế-xã hội của khu vực này.

Một khu vực kinh tế đang và sẽ đóng góp một tỷ trọng đáng kể vào sự phát triển kinh tế của đất nước ♣

Tài liệu tham khảo

- M. Gillis, D. Perkins, Kinh tế học của sự phát triển, tập 2.

- Hoàng Kim Giao, Hiện trạng kinh tế tư nhân trong tiến trình đổi mới, Nghiên cứu kinh tế, 6.1993.

- Cục thống kê TP.HCM, Tình hình hoạt động công ty, doanh nghiệp tư nhân, 8.1993.

- Thời báo kinh tế VN, số 31